

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Số hiệu gói thầu: TĐ 06

Tên gói thầu: Thẩm định giá trang thiết bị công nghệ thông tin để tăng cường hiệu năng, bảo mật cho Hệ thống eGP

Phát hành ngày: Ngày 13 tháng 10 năm 2023

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

Tổng Giám đốc ✓



Nguyễn Thế Cường



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

IDNES	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia
VND	Đồng Việt Nam

304
NG
TNH
VÀ PH
NG D
JA M
QUỐC
PH

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. IDNES mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn gói thầu “Thẩm định giá trang thiết bị công nghệ thông tin để tăng cường hiệu năng, bảo mật cho Hệ thống eGP” thuộc dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ” trong giai đoạn vận hành và bảo trì. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

2. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Nhà thầu tham dự thầu, chào hàng, đề xuất cung ứng và nhà thầu dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp: (i) đơn chào hàng (theo Mẫu số 01 Chương III hoặc Mẫu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>)) và (ii) biểu giá (theo Mẫu số 03a Chương III). Các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng trong Mẫu số 01 Chương III hoặc là đơn chào hàng trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>) và bảo đảm IDNES nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III hoặc Đơn chào hàng được trích xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>);

2. Biểu giá theo Mẫu số 03a Chương III;

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dừng nhận báo giá.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. IDNES so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, IDNES có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

2. Báo giá phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Các thành phần của báo giá phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu theo hướng dẫn tại Chương III.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

4. IDNES chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của nhà thầu.

5. Nhà thầu nộp Báo giá qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>). Nhà thầu chỉ nộp một bộ Báo giá đối với một thông báo mời thầu khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (đại diện liên danh) hoặc thành viên được phân công trong thỏa thuận liên danh nộp Báo giá.

6. Nhà thầu phải nộp bản mềm Báo giá (bản scan có đủ chữ ký, dấu (nếu có) của nhà thầu) thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>) không muộn hơn **17 giờ 00 phút ngày 19 tháng 10 năm 2023**, tiêu đề ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_[Tên nhà thầu]_Bản gốc Báo giá. Trường hợp sửa đổi phải ghi rõ trên bìa hồ sơ “[Số hiệu gói thầu]_[Tên nhà thầu]_Bản sửa đổi Báo giá. Các báo giá được gửi đến IDNES sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

6. Nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu phải nộp 01 bản gốc báo giá cho IDNES trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt

Nhà thầu được xem xét lựa chọn thực hiện gói thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Hợp đồng ký kết với nhà thầu sử dụng mẫu hợp đồng quy định tại bản yêu cầu báo giá hoặc một mẫu khác được IDNES chấp thuận.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của IDNES.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

I. Giới thiệu về dự án

1. Khái quát dự án

- Tên dự án: “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ theo hình thức đối tác công tư (PPP)”.

- Thông tin chung về dự án:

Chính phủ Việt Nam coi việc ứng dụng hệ thống đấu thầu điện tử trong mua sắm là một công cụ quan trọng để đạt được tính minh bạch, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trong mua sắm và góp phần giảm tham nhũng trong các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước. Chính phủ đã yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) quản lý dự án và quản lý vận hành hệ thống này.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và vận hành hệ thống thí điểm đấu thầu điện tử (muasamcong.mpi.gov.vn) từ năm 2009 đến năm 2011. Hệ thống đấu thầu điện tử thí điểm bao gồm các phân hệ ứng dụng hỗ trợ đấu thầu mua sắm hàng hóa, cổng thông tin và hệ thống quản lý người dùng. Trên cơ sở kết quả tích cực của hệ thống thí điểm và số lượng bên mời thầu, nhà thầu đăng ký sử dụng hệ thống tăng cao, Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tiếp tục thí điểm hệ thống đến cuối năm 2013 nhằm làm cơ sở cho việc triển khai trên toàn quốc trong thời gian tới. Từ năm 2015 trở đi hệ thống chính thức được sử dụng đăng tải thống nhất thông tin về đấu thầu trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng một Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ e-GP ("Hệ thống e-GP") trong khuôn khổ Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2025 và Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2025, nhằm triển khai đấu thầu điện tử trên toàn quốc.

Hệ thống e-GP được triển khai thông qua hình thức đối tác công tư (PPP). Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT được chọn làm Nhà đầu tư và IDNES là doanh nghiệp dự án được thành lập để thực hiện Dự án. IDNES, cơ quan ký kết hợp đồng cho gói thầu tư vấn này, đang tìm kiếm Nhà thầu phụ để hỗ trợ cho việc chuẩn bị và triển khai dự án.

- Mục tiêu dự án: Mục tiêu tổng thể của Dự án là ứng dụng các tiến bộ của CNTT, viễn thông để xây dựng, quản lý và vận hành một cách bền vững Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ (Hệ thống e-GP) nhằm quản lý thống nhất thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng trên cơ sở đảm bảo an toàn, cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

- Mục tiêu chi tiết của dự án:

1. Xây dựng hệ thống quy trình về đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.
2. Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý đấu thầu qua mạng, cải tiến nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, chuẩn hoá và mẫu hoá các văn bản, tài liệu, biểu mẫu trong đấu thầu phục vụ đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.

3. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ quá trình triển khai đấu thầu qua mạng.

4. Xây dựng hệ thống ứng dụng gồm 11 hệ thống thành phần, bao gồm: Cổng thông tin (Portal); Quản lý người dùng (User Management); Hỗ trợ người dùng (Call Center); Đấu thầu điện tử (e-Bidding), Mua sắm điện tử (e-Shopping Mall), Quản lý hợp đồng qua mạng (e-Contract), Thanh toán điện tử (e-Payment); Danh mục sản phẩm (Item list); Văn bản điện tử (e-Document); Quản lý năng lực nhà cung cấp (Supplier's Performance Management); Bảo lãnh điện tử (e-Guarantee) cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng trên hệ thống này. Sẵn sàng kết nối và tích hợp với các hệ thống chính phủ điện tử khác của Việt Nam.

5. Tổ chức đào tạo nghiệp vụ đấu thầu qua mạng cho các cơ quan quản lý đấu thầu, các Bên mời thầu và cộng đồng các doanh nghiệp tham gia Hệ thống e-GP. Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong và ngoài nước về đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.

6. Đảm bảo tất cả các thông tin về đấu thầu như danh sách bên mời thầu, kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu, kết quả đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống; từng bước tăng dần số lượng gói thầu thực hiện qua mạng

2. Mục đích

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu Qua mạng Quốc gia (IDNES) có nhu cầu thuê một đơn vị thẩm định giá trang thiết bị công nghệ thông tin để tăng cường hiệu năng, bảo mật cho Hệ thống eGP thuộc dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ theo hình thức đối tác công tư (PPP)”. Giá được thẩm định được sử dụng để xác định giá trần làm cơ sở phê duyệt dự toán và tổ chức đấu thầu theo quy chế của IDNES cho các gói mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin để tăng cường hiệu năng, bảo mật cho Hệ thống eGP.

II. Phạm vi công việc

Dịch vụ thẩm định giá trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin của Hệ thống e-GP được thực hiện tối đa trong vòng 01 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Tổng giá trị tài sản thẩm định ước tính khoảng **22.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng./.). Giá trị trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại phí, thuế liên quan.

III. Yêu cầu kỹ thuật

Nhà thầu được yêu cầu nộp báo giá thẩm định giá trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày IDNES phát hành Thông báo mời chào hàng cạnh tranh rút gọn kèm theo Bản yêu cầu báo giá. Ngày làm việc được hiểu là từ Thứ hai đến Thứ sáu hàng tuần.

Thời gian hiệu lực của báo giá: Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dừng nhận báo giá.

Danh mục hàng hóa thẩm định giá gồm:

STT	Danh mục thiết bị / Giải pháp	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị
A	Thiết bị phần cứng			
1	Giải pháp phòng chống xâm nhập trái phép (IPS)		2	Bộ
	Bản quyền	03 năm		
	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
2	Giải pháp an toàn cho thư điện tử		2	Bộ
	Bản quyền	03 năm		
	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
3	Nâng cấp RAM		1	Bộ
4	Nâng cấp thư viện băng từ (Tape library)		1	Bộ
5	Thiết bị lưu trữ gắn vào mạng (NAS - Network Attached Storage)		1	Bộ
	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
6	Nâng cấp máy chủ sao lưu (backup)		1	Bộ
7	Hệ thống tường lửa (Firewall)		1	Bộ
	Bản quyền	03 năm		
	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
8	Máy chủ quản trị tài khoản truy cập		2	Bộ
	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
9	Tivi 4K 54 inch		5	Chiếc
	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	02 năm		
B	Phần mềm			
1	Giải pháp tường lửa ứng dụng Web (WAF)		1	Bộ
	Bản quyền	01 năm		
	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	01 năm		
2	Gia hạn/mua mới giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP)		1	Bộ
	Hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
3	Nâng cấp phần mềm sao lưu (backup)		1	Bộ
	Hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		

STT	Danh mục thiết bị / Giải pháp	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị
4	Phần mềm bảo mật cơ sở dữ liệu		1	Bộ
	Hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
5	Phần mềm hệ điều hành cho máy chủ quản trị tài khoản truy cập		2	Bộ
6	Phần mềm điều khiển máy tính từ xa		27	Bộ
	License, Bảo hành/Hỗ trợ kỹ thuật	01 năm		
7	Phần mềm Antivirus		2	Bộ
	License, Hỗ trợ kỹ thuật	01 năm		
8	Phần mềm backup		1	Bộ
	Hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
9	Phần mềm ảo hóa		19	Bộ
	Hỗ trợ kỹ thuật	03 năm		
C	Dịch vụ cho thuê			
1	Thuê đường truyền đồng bộ dữ liệu		1	Gói dịch vụ
	Loại	Đường truyền có tốc độ tối thiểu 8Gb/s		
2	Thuê IP tĩnh		1	Gói dịch vụ
3	Thuê đường truyền dự phòng Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ về Trung tâm chính DC 40Mb/s Dịch vụ triển khai tích hợp hệ thống		1	Gói dịch vụ
D	Dịch vụ triển khai tích hợp hệ thống			
1	Dịch vụ đánh giá và nâng cấp RAM, tối ưu giải pháp sao lưu dữ liệu		1	Gói dịch vụ
2	Dịch vụ triển khai bảo mật dữ liệu		1	Gói dịch vụ
3	Dịch vụ nâng cấp phần mềm Oracle		1	Gói dịch vụ

STT	Danh mục thiết bị / Giải pháp	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị
4	Dịch vụ triển khai và tách cơ sở dữ liệu sang 1 cặp máy chủ mới		1	Gói dịch vụ
5	Dịch vụ nâng cấp thiết bị lưu trữ mạng (NAS)		1	Gói dịch vụ
6	Dịch vụ triển khai máy chủ Quản trị tài khoản truy cập		1	Gói dịch vụ
7	Dịch vụ triển khai tích hợp thiết bị tường lửa phòng chống xâm nhập trái phép (IPS)		1	Gói dịch vụ
8	Dịch vụ triển khai tích hợp giải pháp chống thất thoát dữ liệu (DLP) và tư vấn, đào tạo, phân loại dữ liệu cho người dùng		1	Gói dịch vụ
9	Dịch vụ triển khai hệ thống tường lửa (Firewall)		1	Gói dịch vụ
10	Dịch vụ triển khai hệ thống tường lửa ứng dụng Web (WAF)		1	Gói dịch vụ

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh khi tham gia chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự gói thầu này.
5. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ email: _____

Đại diện: Ông/Bà _____

Số điện thoại: _____

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Giá chào (chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí)	Thuế, phí, lệ phí	Giá chào sau khi bao gồm thuế, phí, lệ phí

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Thẩm định giá trang thiết bị công nghệ thông tin để tăng cường hiệu năng, bảo mật cho Hệ thống eGP

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ về việc thi hành một số điều của Luật giá về Thẩm định giá;

- Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống Đấu thầu qua mạng Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thẩm định giá trang thiết bị công nghệ thông tin để tăng cường hiệu năng, bảo mật cho Hệ thống eGP”;

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được bên mời chào hàng và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời chào hàng: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống Đấu thầu qua mạng Quốc gia (sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, Số 519 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 7950 338

E-mail: contact@idnes.onmicrosoft.com

Mã số thuế: 0108930466

Đại diện là ông: **Nguyễn Thế Cường**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho Bên A với nội dung như sau :

1. Tài sản thẩm định giá: Trang thiết bị công nghệ thông tin để tăng cường hiệu năng, bảo mật cho Hệ thống eGP thuộc dự án "Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ".

2. Địa điểm thẩm định giá : Thành phố Hà Nội.

3. Thời gian thẩm định giá : Tháng..... năm 2023.

Chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn, đặc điểm kỹ thuật của tài sản đề nghị thẩm định giá được căn cứ theo danh mục nội dung đề nghị thẩm định giá trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có sửa đổi, bổ sung thì tùy từng trường hợp cụ thể, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận, lập biên bản kèm theo hợp đồng này. Chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn, đặc điểm kỹ thuật của tài sản đề nghị thẩm định giá được căn cứ theo danh mục nội dung đề nghị thẩm định giá trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có sửa đổi, bổ sung thì tùy từng trường hợp cụ thể, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận, lập biên bản kèm theo hợp đồng này. Chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn, đặc điểm kỹ thuật của tài sản đề nghị thẩm định giá được căn cứ theo danh mục nội dung đề nghị thẩm định giá trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có sửa đổi, bổ sung thì tùy từng trường hợp cụ thể, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận, lập biên bản kèm theo hợp đồng này. Chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn, đặc điểm kỹ thuật của tài sản đề nghị thẩm định giá được căn cứ theo danh mục nội dung đề nghị thẩm định giá trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có sửa đổi, bổ sung thì tùy từng trường hợp cụ thể, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận, lập biên bản kèm theo hợp đồng này. Chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn, đặc điểm kỹ thuật của tài sản đề nghị thẩm định giá được căn cứ theo danh mục nội dung đề nghị thẩm định giá trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có sửa đổi, bổ sung thì tùy từng trường hợp cụ thể, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận, lập biên bản kèm theo hợp đồng này.

hợp cụ thể, hai bên sẽ tiến hành thoả thuận, lập biên bản kèm theo hợp đồng này.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu được lựa chọn (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Bên B các thông tin, giấy tờ cần thiết có liên quan đến quá trình thẩm định giá tài sản mà Bên A đang có theo yêu cầu của Bên B.

2. Có quyền khiếu nại với Bên B đối với các yêu cầu quá mức, không hợp lý về hồ sơ phải cung cấp cho Bên B để phục vụ hoạt động thẩm định liên quan đến tài sản thuê thẩm định.

3. Có quyền khiếu nại với Bên B những vấn đề chưa rõ ràng trong quá trình thực hiện thẩm định, kết quả thẩm định.

4. Cử nhân viên của Bên A tham gia, phối hợp với Bên B và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thẩm định giá;

5. Thông báo cho Bên B các yêu cầu thẩm định bổ sung, những thay đổi về kế hoạch thẩm định hoặc những ý kiến khác với nội dung chứng thư để hai bên cùng trao đổi và giải quyết;

6. Sử dụng văn bản kết quả thẩm định giá do bên B cung cấp đúng mục đích được ghi rõ trong hợp đồng và văn bản thẩm định giá. Nếu bên A sử dụng kết quả thẩm định giá sai mục đích thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

7. Thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Cung cấp dịch vụ thẩm định giá đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng này cho Bên A theo quy định của pháp luật hiện hành, theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam (hoặc tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế được Việt Nam chấp nhận). Bên B cam kết Bên B có đầy đủ năng lực và các giấy phép cần thiết theo quy định pháp luật để thực hiện hoạt động thẩm định theo quy định hợp đồng này.

2. Xây dựng và thông báo cho Bên A nội dung, kế hoạch thẩm định; hoàn thành đúng

thời hạn theo hợp đồng;

3. Yêu cầu Bên A cung cấp kịp thời, đầy đủ các giấy tờ có liên quan đến tài sản thuê thẩm định giá. Bảo vệ các ý kiến đã đưa ra, yêu cầu Bên A cung cấp các tài liệu cần thiết để phục vụ việc thẩm định giá.

4. Độc lập trong thực hiện nghiệp vụ thẩm định, kết quả thẩm định giá. Thực hiện kế hoạch thẩm định giá theo đúng nguyên tắc độc lập, khách quan và bí mật;

5. Cử những thẩm định viên và chuyên gia có năng lực, kinh nghiệm thực hiện công việc thẩm định giá. Chịu trách nhiệm trước Bên A về kết quả thẩm định;

6. Lưu giữ và quản lý các thông tin, tài liệu, phương tiện do Bên A cung cấp một cách an toàn, bí mật theo đúng quy định của Nhà nước. Bên B cam kết giữ bảo mật các thông tin, tài liệu của Bên A mà Bên B nhận được hoặc biết được từ việc thực hiện hợp đồng này, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác và không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài mục đích thực hiện hợp đồng này. Nghĩa vụ bảo mật thông tin này tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi hợp đồng chấm dứt hiệu lực;

7. Phát hành hoá đơn hợp pháp trước khi Bên A thanh toán đầy đủ phí dịch vụ thẩm định giá theo Điều 5 của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ], giá đã bao gồm thuế và các chi phí khác, trong đó

- Giá trị hợp đồng trước thuế:

- Thuế, phí, lệ phí (nếu có):

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

b) Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán toàn bộ phí dịch vụ cho bên B ngay sau khi

nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán gồm:

- Báo cáo thẩm định giá;
- Chứng thư thẩm định giá;
- Hóa đơn Giá trị gia tăng;
- Giấy đề nghị thanh toán và Biên bản giao nhận có xác nhận của hai bên.

c) Số lần thanh toán: một lần.

Điều 6. Loại hợp đồng: trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp Bên A yêu cầu thẩm định bổ sung, những thay đổi về kế hoạch thẩm định hoặc những ý kiến khác với nội dung chứng thư;

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng. Bên B được quyền thu tiền dịch vụ thẩm định giá và các khoản chi phí khác phục vụ thẩm định tài sản bổ sung theo yêu cầu của Bên A.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Chứng thư thẩm định giá

1. Sau khi hoàn thành công việc thẩm định giá, Bên B cung cấp cho Bên A ba (03) bản Chứng thư thẩm định giá, thể hiện dưới dạng giấy, A4 đóng quyển, được phát hành bằng tiếng Việt.

2. Thời gian cấp Chứng thư: Bên B sẽ cấp Chứng thư thẩm định giá cho Bên A trong

vòng hai mươi (20) ngày, kể từ ngày Bên A cung cấp đủ hồ sơ, giấy tờ phục vụ cho công tác thẩm định giá cho Bên B và Bên B hoàn thành khảo sát hiện trạng tài sản (nếu có).

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nơi Bên A đặt trụ sở.

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành bốn (04) bộ, bên mời chào hàng giữ ba (03) bộ, nhà thầu giữ một (01) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI CHÀO HÀNG

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

STT	Đặc điểm của thiết bị/ phần mềm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng

